## Bài 1: Viết theo mẫu:

| Đọc số | Viết số | Lớp triệu | | | Lớp nghìn | | | Lớp đơn vị | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Hàng trăm triệu | Hàng chục triệu | Hàng triệu | Hàng trăm nghìn | Hàng chục nghìn | Hàng nghìn | Hàng trăm | Hàng chục | Hàng đơn vị |
| Ba trăm mười lăm triệu bảy trăm nghìn tám trăm linh sáu | 315 700 806 | 3 | 1 | 5 | 7 | 0 | 0 | 8 | 0 | 6 |
| Tám trăm năm mươi triệu ba trăm linh bốn nghìn chín trăm | | | | | | | | | | |
| | 403 210 715 | | | | | | | | | |

LIVEWORKSHEETS